TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2026.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 487/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Tố N, sinh năm: 1994.

Căn cước công dân số: 040194023439, cấp ngày 28/8/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: Xóm T, phường V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ tạm trú: Tổ A, khu phố R, phường B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Trọng T, sinh năm: 1980.

Căn cước công dân số 034080005728, cấp ngày 24/12/2024; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: I đường G, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2025 và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Tố N trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2018, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 13/3/2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2019. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, cũng không quan tâm gì đến vợ, con. Đến năm 2025, anh T đã vi phạm pháp luật từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm gì đến nhau chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Tại bản khai ngày 10/11/2025, bị đơn anh Đoàn Trọng T trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2018, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay, chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018. Hiện chị N đang nuôi dưỡng, anh muốn được cùng chăm sóc lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018. Thời gian qua chị N chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên giao con chung Đoàn Bình A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị N và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đoàn Trọng T đăng ký thường trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: Ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Nai. Chị N có đơn tranh chấp ly hôn với anh T. Quan hệ tranh chấp "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tố N và anh Đoàn Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban

nhân dân xã N, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là Phường V, tỉnh Nghệ An) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2019 ngày 13/3/2019 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ, con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị N đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy, điều kiện để chị N và anh T đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018.

Xét thấy, thời gian qua chị N chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu A. Giao con chung Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Tố N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tố N đối với anh Đoàn Trọng T về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Nguyễn Tố N được ly hôn anh Đoàn Trọng T.

Về con chung: Giao con chung Đoàn Bình A, sinh ngày 04/12/2018 cho chị Nguyễn Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh Đoàn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Tố N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0003350 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. (N đã nộp xong)

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đồng Nai;
- UBND Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Ba **Nguyễn Thị Thu Hà** **Nguyễn Tấn Cảnh**